

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HS-ST

Ngày 14/5/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và bà Lương Thị Phấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST- HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 đối với các Bị cáo :

1. Đào Văn Ch (tên gọi khác: Không.)

Sinh ngày 01 tháng 03 năm 1987; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu 2, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tr độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đào Văn C, sinh năm 1961 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1964;

Vợ: NLQ1, sinh năm: 1984; Con: Có 02 con (Lớn sinh năm : 2012, nhỏ sinh năm: 2015).

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 35/2017/HSST ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xử phạt Đào Văn Ch 12 (mười hai) tháng cải tạo không

giam giữ về tội “Đánh bạc”. Đến ngày 12/7/2019 Ch mới chấp hành xong toàn bộ hình phạt của Bản án, hiện chưa được xóa án tích.

Nhân thân: (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2019. Hiện đang chấp hành Lệnh tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn L (tên gọi khác: Không).

Sinh ngày 08 tháng 01 năm 1983; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu 2, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tr độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1954 và bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1953

Vợ: NLQ2, sinh năm 1983; Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2019. Hiện đang chấp hành Lệnh tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Trung K (tên gọi khác: Không).

Sinh ngày 15 tháng 8 năm 1989, tại huyện Th, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu 18, xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tr độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: NLQ4, sinh năm 1964 và bà: Trần Thị N, sinh năm 1964

Vợ: NLQ3, sinh năm 1991; Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 16/12/2019. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Võ Hữu Th, sinh năm 1989 (có mặt);

Trú tại: xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Bùi Văn Tr, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Trú tại: xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị NLQ1, sinh năm 1984 (có mặt);
Trú tại: Khu 2, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
2. Chị NLQ2, sinh năm 1983 (có mặt);
Trú tại: Khu 2, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
3. Chị NLQ3, sinh năm 1991 (có mặt);
Trú tại: Khu 18, xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ.
4. Ông NLQ4, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Trú tại: Khu 18, xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ.
5. Anh Bùi Trung K, sinh năm 1989 (có mặt).
Trú tại: Khu 18, xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Trú tại: khu 7 xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Qua mạng xã hội, Đào Văn Ch và Nguyễn Văn L biết anh Võ Hữu Th sở hữu nhiều loại hoa lan quý, có giá trị kinh tế nên Ch đã rủ L đi trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài, L đồng ý. Ch và L đã đi xe mô tô BKS 19H7-5773 lên nhà anh Võ Hữu Th để tìm hiểu đường đi, địa hình vườn lan và dự định hôm nào trời mưa sẽ đến trộm cắp. Khoảng 22h ngày 03/7/2019, trời mưa, nhận thấy điều kiện thuận lợi, Ch gọi điện rủ L đi trộm cắp hoa lan nhà anh Th. Ch đội mũ cối, mặc áo mưa, chuẩn bị 01 kìm bấm, 01 bao tải xác rắn điều khiển xe mô tô BKS 19H7-5773 đi từ nhà Ch đến đón L. Ch giao xe cho L điều khiển đi đến gia đình anh Võ Hữu Th tại khu Đ, xã M, huyện T. Ch và L đi ra cánh đồng phía sau nhà anh Th, lúc này do có một số người dân đang soi ếch trên cánh đồng nên cả hai đã giấu xe tại khu vực nghĩa địa gần đó và chờ đợi.

Đến khoảng 02h ngày 04/7/2019 khi những người soi ếch đi về, Ch và L đi vào sát bờ rào lưới B40 vây quanh vườn lan thì thấy có người từ trong nhà anh Th cầm đèn pin soi ra xung quanh khu vườn, Ch và L bảo nhau ẩn nấp, do trời tối nên cả hai lạc nhau. Lúc này Ch men theo bờ rào phát hiện có 01 nhà vệ sinh xây bằng

gạch nên trèo lên mái nhà vệ sinh, rồi trèo qua phần lưới B40 bám vào khung thép của vườn lan và trèo qua ô trống trên cùng vào bên trong vườn lan. Ch dùng tay nhỏ các thân cây hoa lan trồng tại các giỏ treo trong vườn. Lúc này do L cầm bao tải nên Ch đã nhặt 01 bao tải dưới sàn cho số hoa lan nhỏ được vào đó rồi dùng các dây thép treo giỏ lan quanh tải. Ch trèo ra bên ngoài và ôm số hoa lan trộm cắp được đi ra nơi đậu xe gọi điện cho L rồi cả hai đi về đến nhà Ch khoảng 05h30 ngày 04/7/2019.

Ch cho số hoa lan trộm cắp được vào khoảng 43 chậu gồm các loại gồm phi điệp thường, phi điệp đột biến 05 cánh trắng Phú Thọ (05 cánh trắng). Sau đó Ch gọi điện thoại cho Bùi Trung K đến mua. Khi K đến, Ch chọn ra 06 chậu lan phi điệp đột biến 05 cánh trắng Phú Thọ bán cho K. Ch nói cho K, đó là hoa lan do Ch trộm cắp được tại xã M, huyện T mà có, Ch bán 100.000.000đ. K đồng ý mua với giá 95.000.000 đồng, Ch đồng ý bán. K nhỏ các thân hoa lan trong 06 chậu lan rồi cho vào hộp giấy mang về nhà, đến chiều cùng ngày Ch đến nhà K lấy đủ số tiền 95.000.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết. K đem số lan mua được về nhà và tách 06 chậu ra thành 10 chậu, sau đó bán cho anh Nguyễn Việt H 06 chậu với giá 20.000.000 đồng; còn lại 04 chậu K lại tách ra thành 07 chậu để chăm sóc, hiện đã bị Công an thu giữ.

Khoảng 01 tuần sau, Ch gọi K đến để bán tiếp cho K 30 chậu Lan Ch đã trộm cắp ở M; số hoa lan còn lại Ch chăm sóc tại nhà bị chết. Khi trao đổi mua bán, do lo sợ nếu biết được là lan do trộm cắp mà có K sẽ ép giá nên Ch nói với K là hoa Lan do Ch mua về trồng và bán. Ch đã bán cho K 30 chậu Lan với giá 150.000.000 đồng. K nhỏ các thân lan trong chậu mang về nhà cấy lại và chăm sóc tại nhà, số tiền mua lan K đã trả hết cho Ch làm nhiều lần. Số tiền bán được lần này Ch cho L 20.000.000đ, còn lại tiêu sài cá nhân hết. K rao bán qua mạng, và đã bán được cho một người không biết rõ tên, địa chỉ được 20.000.000 đồng. Số lan còn lại, K chăm sóc tại nhà sau đó chết hết.

Ngày 04/7/2019 phát hiện vườn hoa lan bị trộm cắp, anh Võ Hữu Th đã có đơn Tr báo cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T. Theo báo cáo của anh Th tổng số hoa lan bị trộm cắp đêm ngày 03 rạng sáng ngày 04/7/2019 khoảng 50 giò hoa Lan các loại gồm: 05 cánh trắng Phú Thọ; 05 cánh trắng Hiên Oanh; 05 cánh trắng Sơn nữ Tiến Đạt; 05 cánh trắng Long Điền, có giá trị khoảng 02 tỷ đồng.

Ngày 04/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành khám

nghiệm hiện trường, quá trình khám nghiệm đã thu giữ 08 (tám) thân hoa lan loại phi điệp 05 cánh trắng Phú Thọ bị rơi bên ngoài vườn trồng lan tại khu vực nhà anh Th, thu giữ 01 mũ cối đã cũ; 01 đoạn dây thừng dài 2,55m đường kính 0,8cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 20/8/2019 của hội đồng định giá tài sản huyện T xác định: 08 thân cây hoa lan loại phi điệp 05 cánh trắng Phú Thọ tổng chiều dài 159cm có giá trị là 127.200.000 đồng và đã bàn giao cho anh Võ Hữu Th quản lý, chăm sóc.

Ngày 04/10/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đào Văn Ch, Nguyễn Văn L, Bùi Trung K, quá trình khám xét đã thu giữ các đồ vật, tài sản:

- Tại nơi ở Đào Văn Ch thu: 128 giò hoa lan các loại, 01 kim bấm tay cầm màu xanh, 01 kim cắt tỉa cây cảnh, 01 đầu thu dữ liệu camera, 02 mắt camera, 01 loa nhựa, 01 mô tô KBS 19H7-5773.

- Tại nơi ở của Nguyễn Văn L thu: 01 chứng NLQ3 thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn L, 25 giò hoa lan các loại.

- Tại nơi ở của Bùi Trung K thu: 136 giò hoa lan các loại, 03 sổ tiết kiệm mang tên Bùi Trung K.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã cho anh Võ Hữu Th nhận dạng đối với số hoa lan đã thu giữ khi khám xét. Qua nhận dạng anh Th nhận dạng được 07 giò Lan thu được tại nhà K và 04 giò Lan thu được tại nhà Ch là hoa Lan của anh bị mất trộm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 08/10/2019 của hội đồng định giá tài sản huyện T xác định: 04 giò hoa lan thu tại nhà Đào Văn Ch có giá trị là 19.780.000 đồng; 07 giò hoa lan thu tại nhà Bùi Trung K có giá trị là 100.160.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 11 giò hoa lan là 119.940.000 đồng. Toàn bộ số hoa lan này cơ quan CSĐT Công an huyện T đã bàn giao trả lại cho anh Võ Hữu Th quản lý, chăm sóc.

Ngoài ra vào khoảng đầu tháng 8 năm 2019, qua xem mạng xã hội, Ch biết anh Bùi Văn Tr ở xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình sở hữu nhiều loại lan quý, có giá trị nên Ch rủ L đến nhà anh Tr để trộm cắp. Ch và L đã đi lên nhà anh Bùi Văn Tr để tìm hiểu đường đi, địa hình vườn Lan. Đêm ngày 23/8/2019, trời mưa, Ch chuẩn bị 01 kim bấm, 01 túi xác rắn điều khiển xe mô tô BKS 19H7-5773 rủ L cùng đi trộm Lan nhà anh Tr. Khoảng 0h ngày 24/8/2019 đến khu vực nhà anh Tr, Ch bảo

L dắt xe ở bờ ruộng cách vườn lan khoảng 30m rồi đi bộ vào, L đứng ngoài cánh giới cho Ch. Ch đi vào vườn Lan, dùng kìm cắt lưới B40 rồi vào vườn lan đi lên tầng 2 nhổ các thân cây hoa lan trồng tại các giỏ cho vào túi mang theo. Lấy được lan, Ch đi ra nơi dắt xe, lúc này L đã ở đó rồi cả hai đi về. Trên đường về Ch bảo L khi nào bán được Ch sẽ chia tiền cho L.

Số hoa lan trộm cắp được Ch tách ra cấy vào 06 chậu (giò), sau đó điện thoại cho Bùi Trung K đến mua. Khi mua K hỏi nguồn gốc hoa lan ở đâu, Ch trả lời K đây là hoa lan do Ch mua về, nay bán lại cho K. Ch đã bán cho K 05 giò được 30.000.000 đồng, còn 01 giò Ch chăm sóc tại nhà và đã bị cơ quan điều tra thu giữ. Sau khi mua bán xong, K đã trả đủ cho Ch số tiền trên, số tiền này Ch đã tiêu sài cá nhân hết không chia cho L.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã cho Đào Văn Ch, Bùi Trung K và Bùi Văn Tr nhận dạng số hoa và xác định được 06 giò hoa lan trộm cắp tại nhà anh Bùi Văn Tr, trong đó 01 giò thu tại nhà Ch và 05 giò thu tại nhà K. Ngày 25/10/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện T đã bàn giao 06 giò lan cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44 ngày 12/11/2019 của hội đồng định giá tài sản huyện Y, tỉnh Hòa Bình xác định: 06 giò hoa phong lan loại phi điệp 05 cánh trắng Phú Thọ tổng chiều dài 71cm có giá trị là 56.800.000 đồng. Số hoa lan sau khi định giá cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Hòa Bình đã bàn giao cho anh Bùi Văn Tr quản lý, chăm sóc.

Như vậy, Đào Văn Ch, Nguyễn Văn L đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là hoa lan của anh Th và anh Tr với tổng giá trị là 473.940.000 đồng (gồm: giá trị hoa lan đã thu hồi, định giá là 303.940.000đ; giá trị hoa lan Ch đã bán cho K, K trồng bị chết và đã bán không thu hồi được là 170.000.000). Bùi Trung K đã tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với tổng giá trị là 120.160.000 đồng (gồm: giá trị 07 giò hoa lan thu tại nhà K là 100.160.000 đồng và 20.000.000đ là giá trị hoa lan K đã bán cho Hùng hiện đã chết không thu hồi được).

Quá trình điều tra các Bị cáo không có ý kiến gì về Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, chuyển vụ án, nhập vụ án và điều khai báo thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội do mình đã thực hiện. Bùi Trung K đã tự nguyện nộp lại 40.000.000 đồng có được từ 02 lần bán hoa lan. Bị cáo Ch tác động để gia đình tự nguyện bồi

thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo L tác động để gia đình tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng.

2. Về các vấn đề khác của vụ án:

- Về nguồn gốc các chậu (giò) lan bị cơ quan CSĐT Công an huyện T thu giữ, Ch, L, K đều khai nhận trong đó ngoài số lan trộm cắp như nêu trên còn có một số chậu lan các loại do các bị cáo mua về nhân giống và chăm sóc. Ngày 21/02/2020 cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01 trả lại các đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cho đại diện gia đình các bị cáo như sau:

+ Trả lại cho đại diện gia đình Đào Văn Ch (do vợ Ch là chị NLQ1 đã nhận): 01 loa nhựa, 01 đầu thu dữ liệu camera, 02 mắt camera, 01 kìm cắt tỉa cây cảnh, 123 giò hoa lan các loại.

+ Trả lại cho đại diện gia đình Nguyễn Văn L (do vợ L là chị NLQ2 đã nhận): 01 CMTND mang tên Nguyễn Văn L, 25 giò hoa lan các loại,.

+ Trả lại cho đại diện gia đình Bùi Trung K (do bố đẻ là ông NLQ4 nhận): 124 giò hoa lan các loại, 03 sổ tiết kiệm mang tên Bùi Trung K.

- *Vật chứng còn lại của vụ án:* Thu giữ của Ch: 01 xe mô tô BKS 19H7-5773, 01 mũ cối, 01 đoạn dây thừng dài 2,55m đường kính 0,8cm, 01 kìm bấm, 01 ĐTDĐ Mastel A116 lắp sim số 0334611400. Thu của L: 01 ĐTDĐ Nokia 1280 lắp sim số 0372417304. Thu của K: 01 ĐTDĐ Nokia 1280 lắp sim số 0366940333. Và số tiền 65.000.000 đồng (trong đó: K giao nộp 40.000.000đ, gia đình Ch giao nộp 20.000.000đ, gia đình L giao nộp 5.000.000đ).

- Bị hại, anh Võ Hữu Th không có ý kiến gì về kết quả định giá tài sản và đã nhận lại tài sản là số hoa phong lan do cơ quan CSĐT thu hồi, định giá với tổng giá trị là 247.100.000 đồng. Quá trình điều tra anh Th yêu cầu Đào Văn Ch và Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường số tiền 245.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Th yêu cầu các Bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh theo quy định của pháp luật.

- Bị hại anh Bùi Văn Tr không có ý kiến gì về kết quả định giá tài sản và đã nhận lại tài sản là số hoa phong lan do cơ quan CSĐT thu hồi, định giá với tổng giá trị là 56.800.000 đồng. Anh Tr không có đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại tài sản đối với các Bị cáo.

- Đối với Nguyễn Việt H là người đã mua 06 chậu hoa lan của L với giá 20.000.000 đồng. Quá Tr chăm sóc số hoa lan trên đã chết hết, vì vậy không thu hồi được. Khi mua K nói đó là hoa lan của nhà K, xét thấy việc mua bán là ngay tình nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H và Cơ quan CSĐT Công an huyện T không đề cập đến việc xử lý hình sự đối với H là đúng quy định.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 06/CT-VKS- TS ngày 16/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các Bị cáo Đào Văn Ch, Nguyễn Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa chữa, bổ sung năm 2017 (nay viết tắt là BLHS năm 2015); truy tố Bùi Trung K về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS năm 2015 đối với Đào Văn Ch.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS năm 2015 đối với Nguyễn Văn L.

+ Tuyên bố Bị cáo Đào Văn Ch, Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Xử phạt Bị cáo Đào Văn Ch từ 10 (mười) đến 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 09 tháng 10 năm 2019).

+ Xử phạt Bị cáo Nguyễn Văn L từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 09 tháng 10 năm 2019).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS năm 2015 đối với Bùi Trung K.

+ Tuyên bố Bị cáo Bùi Trung K phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

+ Xử phạt Bị cáo Bùi Trung K 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Trung K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo. Trường hợp Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo Ch, L, K.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các Bị cáo L, Ch, K với anh Võ Hữu Th như sau:

+ Bị cáo Bùi Trung K bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 40.000.000đ. Xác nhận, K đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 40.000.000đ theo Biên bản tạm giữ đồ vật tài sản ngày 21/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

+ Bị cáo Ch, Bị cáo L liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Th số tiền 130.000.000đ. Trong đó, chia theo kỷ phần Ch có trách nhiệm bồi thường cho anh Th số tiền là 110.000.000đ; L có trách nhiệm bồi thường cho anh Th số tiền 20.000.000đ.

Xác nhận, Ch đã tự nguyện tác động để gia đình (đại diện là chị NLQ1 vợ Ch) nộp bồi thường cho anh Th số tiền 20.000.000đ; L đã tác động để gia đình (đại diện là chị NLQ2 vợ L) tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 5.000.000đ theo các Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản ngày 21/02/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Bị cáo Ch còn phải bồi thường tiếp cho anh Th số tiền 90.000.000đ. Bị cáo L còn phải bồi thường tiếp cho anh Th số tiền 15.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Trả lại cho anh Võ Hữu Th các tài sản gồm: 08 thân cây hoa lan loại phi điệp 05 cánh trắng Phú Thọ tổng chiều dài 159cm; 04 giò hoa lan thu tại nhà Đào Văn Ch; 07 giò hoa lan thu tại nhà Bùi Trung K. Xác nhận, ngày 04/7/2019 và ngày 10/10/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm trả lại các tài sản trên cho anh Th theo các Biên bản tạm giao đồ vật, tài sản.

+ Xác nhận, anh Bùi Văn Tr đã nhận lại 06 giò hoa phong lan loại phi điệp 05 cánh trắng Phú Thọ tổng chiều dài 71cm theo Biên bản trao trả đồ vật, tài liệu ngày 12/11/2019 của cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

+ Xác nhận, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả cho đại diện gia đình Đào Văn Ch (do chị NLQ1 là vợ Ch nhận) các tài sản, đồ vật gồm: 01 loa nhựa, 01 đầu thu dữ liệu camera, 02 mắt camera, 01 kìm cắt tỉa cây cảnh, 123 giò hoa lan các loại theo Biên bản trả lại đồ vật, tài sản ngày 21/02/2020.

+ Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho đại diện gia đình Nguyễn Văn L (do chị NLQ2 vợ L nhận) các tài sản, đồ vật gồm: 01 CMTND mang tên Nguyễn Văn L, 25 giò hoa lan các loại theo Biên bản trả lại đồ vật tài sản ngày 21/02/2020.

+ Xác nhận, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho đại diện gia đình Bùi Trung K (do ông Bùi Quang Văn bố L nhận): 124 giò hoa lan các loại, 03 sổ tiết kiệm mang tên Bùi Trung K theo Biên bản trả lại đồ vật tài sản ngày 21/02/2020.

+ Trả lại cho anh Võ Hữu Th số tiền 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) do các Bị cáo L giao nộp 40.000.000đ, Ch giao nộp 20.000.000đ, L giao nộp 5.000.000đ.

+ Tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô BKS 19H7-5773, 01 ĐTDĐ Mastel A116 (thu của Ch); 01 ĐTDĐ Nokia 1280 (thu của L), 01 ĐTDĐ Nokia 1280 (thu của K).

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 mũ cối, 01 đoạn dây thừng dài 2,55m đường kính 0,8cm, 01 kìm bấm, sim điện thoại số 0334611400 (thu của Ch); sim số 0372417304 (thu của L); sim số 0366940333 (thu của K).

- Thu hồi của Bị cáo Ch số tiền 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, f, g khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

+ Bị cáo Đào Văn Ch phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

+ Bị cáo Bùi Trung K phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá Tr điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, các Bị cáo, Bị hại, Người có quyền, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

4. *Bị cáo nói lời sau cùng:*

Bị cáo Ch, L: Xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho Bị cáo mức án thấp nhất để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo L: Xin hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho Bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, Tr tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo, Người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay các Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của các Bị cáo thống nhất, phù hợp với Biên bản sự việc, Biên bản khám xét và Biên bản niêm phong vật chứng, đồng thời phù hợp với lời khai của Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 04/7/2019 và 24/8/2019, L dụng đêm tối và trời mưa bão Đào Văn Ch và Nguyễn Văn L đã 02 (hai) lần lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là hoa lan của anh Võ Hữu Th ở xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ và của anh Bùi Văn Tr ở xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ch và L trộm cắp cây hoa lan của anh Võ Hữu Th có tổng giá trị là **417.140.000đ** (gồm: Tài sản đã thu được và định giá là: 247.140.000đ và tài sản Ch đã bán cho K không thu hồi được có giá trị là: 170.000.000đ).

Lần thứ hai: Ch và L trộm cắp cây hoa lan của anh Bùi Văn Tr có giá trị là **56.800.000đ**.

Tổng 02 (hai) lần Ch và L trộm cắp cây hoa lan của anh Th và anh Tr có giá trị là **473.940.000 đồng**.

Bùi Trung K mặc dù biết rõ là tài sản (hoa lan) do Đào Văn Ch và Nguyễn Văn L trộm cắp được mà có nhưng vẫn tiêu thụ (mua) với tổng giá trị tài sản là 120.160.000 đồng (trong đó tài sản đã thu được và định giá là 100.160.000đ và tài sản L đã bán không thu hồi được có giá trị là 20.000.000đ). K không hứa hẹn trước với Ch về việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi của các Bị cáo Đào Văn Ch và Nguyễn Văn L đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của BLHS năm 2015;

Điểm a Khoản 3 Điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

Hành vi của Bùi Trung K đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điểm c khoản 2 Điều 323 quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a).....

c) Tài sản, vật phạm pháp có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Các Bị cáo đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; động cơ, mục đích là vì vụ lợi. Do đó, hành vi phạm tội của các Bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo Ch và L cố ý cùng thực hiện một tội phạm, nhưng các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công và chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội nên không coi là phạm tội có tổ chức. Bị cáo Ch có vai trò chính, trực tiếp thực hiện tội phạm; Bị cáo L, đi cùng, canh gác cho Ch nên có vai trò thứ yếu, giúp sức trong thực hiện tội phạm.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Ch và bị cáo L 02 (hai) lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, các lần phạm tội này đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên”. Bị cáo Ch có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này của Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm”.

Do đó, Bị cáo Ch phải chịu 02 (hai) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015. Bị cáo L phải chịu 01 (một) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Bị cáo K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình điều tra, Bị cáo K

đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền thu được do bán hoa lan mua của Ch để bồi thường và hoàn trả cho Bị hại; Bị cáo Ch đã tác động để gia đình nộp số tiền 20.000.000đ để bồi thường thiệt hại cho Bị hại; Bị cáo L đã tác động để gia đình giao nộp số tiền 5.000.000đ để bồi thường cho Bị hại.

Do đó, Bị cáo Ch, L, K đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Từ các nhận định trên, xét thấy: Bị cáo Ch được hưởng 02 (hai) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng phải chịu 02 (hai) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu; là người có vai trò chính trong thực hiện tội phạm đồng thời giá trị tài sản mà Bị cáo phạm tội lớn. Do đó, cần xử Bị cáo Bị cáo hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định và ở mức thấp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Bị cáo L, được hưởng 02 (hai) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phải chịu 01 (một) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Lần đầu phạm tội, có vai trò giúp sức trong thực hiện tội phạm. Do đó, cần xử Bị cáo hình phạt tù có thời hạn ở mức thấp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Bị cáo K, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trị giá tài sản mà Bị cáo tiêu thụ ở mức thấp theo khung hình phạt. Vì vậy, chỉ cần xử Bị cáo hình phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định là phù hợp. Do hình phạt áp dụng đối với Bị cáo là 36 (ba mươi sáu) tháng tù, có thể cho hưởng án treo. Và Bị cáo K là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 02 (hai) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo nên không cần cách ly Bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi để giáo dục Bị cáo là phù hợp với khoản 1, 2 Điều 65 của BLHS năm 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Đối với Bị cáo Ch, L: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Xét thấy, tại Biên bản xác minh về kinh tế, tài sản ngày 20/10/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thì thấy Bị cáo L không có tài sản gì có giá

trị lớn, gia đình phải thuê nhà ở, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; Bị cáo Ch, không có tài sản có giá trị lớn, gia đình ở Ch trong ngôi nhà cấp 4 lợp ngói đã cũ, không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo Ch, Bị cáo L là phù hợp.

Đối với Bị cáo K: Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 của BLHS năm 2015 thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Xét thấy, tại Biên bản xác minh về kinh tế, tài sản ngày 20/10/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thì thấy Bị cáo, không có tài sản riêng gì có giá trị, sống cùng với bố mẹ. Vì vậy, cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo là phù hợp.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện T đối với Bùi Trung K.

[5] Đối với Nguyễn Việt H là người đã mua 06 chậu hoa lan của K với giá 20.000.000 đồng. Quá trình chăm sóc số hoa lan trên đã chết hết, vì vậy không thu hồi được. Khi mua K nói đó là hoa lan của nhà K, xét thấy việc mua bán là ngay tình, không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không đề cập đến việc xử lý hình sự đối với H là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với Bị hại là anh Bùi Văn Tr: Quá trình điều tra anh Tr xác nhận đã nhận lại cây hoa lan bị Ch và L trộm cắp, nay không yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Bị hại anh Võ Hữu Th: Tại phiên tòa, anh Th xác nhận đã nhận lại một số cây hoa lan bị Ch và L trộm cắp, nay anh yêu cầu các Bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho anh theo quy định của pháp luật; các Bị cáo Ch, L, K đều tự nguyện đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Th theo mức mà pháp luật quy định, xét yêu cầu của anh Th thấy rằng:

- Đối với 06 giò hoa lan Ch trộm cắp nhà anh Th bán cho K được 95.000.000đ: K đem về chia ra làm 10 giò, đã bán cho H 06 giò được 20.000.000đ, còn lại 04 giò K tách ra làm 07 giò chăm sóc tại nhà Công an huyện T đã thu giữ, định giá là 100.160.000đ và trả lại cho anh Th. Như vậy, anh Th đã nhận lại được một phần tài sản; còn lại số hoa lan K bán cho Hùng được 20.000.000đ, hiện đã bị chết không thu giữ được để trả cho anh Th. Nên K phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và trả lại cho anh Th số tiền 20.000.000đ do K đã tiêu thụ tài sản phạm tội

mà có. Trong quá Tr điều tra, K đã tự nguyện giao nộp hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự, nay được trả cho anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự.

- Đối với 30 giò hoa lan Ch trộm cắp nhà anh Th bán cho K được 150.000.000đ, K đem về nhà bán cho người không quen biết được 20.000.000đ, nay không thu giữ được tài sản, còn lại K chăm sóc bị chết. Thấy rằng, mặc dù K không biết đây là tài sản do Ch phạm tội mà có nhưng tài sản này phải được hoàn trả lại cho Bị hại. Do số hoa lan K bán cho người không biết địa chỉ, tên tuổi và số hoa lan còn lại K chăm sóc bị chết không thu hồi được. Lẽ ra, Bị cáo Ch, L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Th toàn bộ số tiền 150.000.000đ. Xong, Bị cáo K đã tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000đ để bồi thường thiệt hại cho Bị hại nên cần công nhận sự tự nguyện của K là phù hợp.

Số tiền còn lại 130.000.000đ các Bị cáo Ch và L phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Th tương ứng với phần thu lời bất chính mà các Bị cáo đã hưởng. Do Ch chia cho L 20.000.000đ nên Ch phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Th số tiền là 110.000.000đ, L có trách nhiệm bồi thường cho anh Th số tiền 20.000.000đ. Xác nhận, Ch đã tự nguyện tác động để gia đình nộp bồi thường cho anh Th số tiền 20.000.000đ; L đã tác động để gia đình tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 5.000.000đ hiện được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Nên Ch còn phải bồi thường tiếp cho anh Th số tiền 90.000.000đ, L còn phải bồi thường tiếp cho anh Th số tiền 15.000.000đ là phù hợp.

Từ những nhận định trên, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Bị cáo Ch, L, K với anh Th về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản như sau: Bị cáo K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 40.000.000đ. Bị cáo Ch có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 110.000.000đ. Bị cáo L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 20.000.000đ. Tổng số thiệt hại về tài sản anh Th được các Bị cáo bồi thường có số tiền là 170.000.000đ là phù hợp.

Đối với Bùi Trung K, trong vụ án này K tham gia tố tụng vừa là Bị cáo vừa là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quyền lợi của K trong vụ án này thể hiện: Do không biết là tài sản do Ch phạm tội mà có nên K đã mua 30 giò hoa lan với giá 150.000.000đ và 05 giò hoa lan với giá 30.000.000đ của Ch. K không phải

chịu trách nhiệm hình sự đối với 02 (hai) lần mua bán này, nhưng liên quan đến trách nhiệm dân sự cần giải quyết trong vụ án, cụ thể là:

- Đối với 30 giò hoa lan K mua của Ch với giá 150.000.000đ: Tại phiên tòa K đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Th 20.000.000đ tiền có được do bán hoa lan cho người không quen biết. Số hoa lan còn lại K chăm sóc bị chết, nên K tự chịu thiệt hại này. Số tiền 20.000.000đ này, K tự nguyện không yêu cầu Tòa án buộc Bị cáo Ch phải hoàn trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 05 giò hoa lan K mua với giá 30.000.000đ: K đem về nhà chăm sóc, cơ quan điều tra đã thu giữ và định giá 05 giò hoa lan trị giá 36.800.000đ đã trả lại cho Bị hại (anh Tr). Tại phiên tòa, K đã tự nguyện không yêu cầu Tòa án buộc Bị cáo Ch phải hoàn trả số tiền 30.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- *Đối với tài sản, đồ vật, vật chứng đã tạm bàn giao, trả lại:*

Tại phiên tòa, anh Th thừa nhận đã các tài sản gồm: 08 thân cây hoa lan loại phi điệp 05 cánh trắng Phú Thọ tổng chiều dài 159cm có giá trị là 127.200.000 đồng; 04 giò hoa lan thu tại nhà Đào Văn Ch có giá trị là 19.780.000 đồng; 07 giò hoa lan thu tại nhà Bùi Trung K có giá trị là 100.160.000 đồng theo Biên bản tạm giao đồ vật, tài sản ngày 04/7/2019 và ngày 10/10/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Đây là tài sản thuộc sở hữu của Bị hại cần trả lại cho anh Th là phù hợp.

Xác nhận, Bị hại anh Bùi Văn Tr đã nhận lại 06 giò hoa phong lan loại phi điệp 05 cánh trắng Phú Thọ tổng chiều dài 71cm có giá trị là 56.800.000 đồng theo Biên bản trao trả đồ vật, tài liệu ngày 12/11/2019 của cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Hòa Bình là phù hợp.

Tại phiên tòa, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại các đồ vật, tài sản không liên quan đến vụ án theo các Biên bản trả lại đồ vật, tài sản ngày 21/02/2020 cho đại diện gia đình các Bị cáo gồm: Trả lại cho đại diện gia đình Đào Văn Ch: 01 loa nhựa, 01 đầu thu dữ liệu camera mắt camera, 01 kìm cắt tỉa cây cảnh, 123 giò hoa lan các loại; Trả lại cho đại diện gia đình Nguyễn Văn L: 01 CMTND mang tên Nguyễn Văn L, 25 giò hoa lan các loại; Trả lại cho đại diện gia đình Bùi Trung K: 124 giò hoa lan các loại, 03 sổ tiết kiệm mang tên Bùi Trung K nay cần xác nhận là phù hợp.

- *Vật chứng còn lại:* 01 xe mô tô BKS 19H7-5773, 01 mũ cối, 01 đoạn dây thừng dài 2,55m đường kính 0,8cm, 01 kim bấm, 01 ĐTDĐ Mastel A116 lắp sim số 0334611400 (thu của Ch), 01 ĐTDĐ Nokia 1280 lắp sim số 0372417304 (thu của L), 01 ĐTDĐ Nokia 1280 lắp sim số 0366940333 (thu của K).

Xét thấy, đây là những công cụ, phương tiện các Bị cáo dùng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu bán, sung quỹ Nhà nước những tài sản có giá trị và tịch thu để tiêu hủy những tài sản không có giá trị là phù hợp. Cụ thể: Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước gồm: 01 xe mô tô BKS 19H7-5773, 01 ĐTDĐ Mastel A116 (thu của Ch); 01 ĐTDĐ Nokia 1280 (thu của L), 01 ĐTDĐ Nokia 1280 (thu của K); Tịch thu để tiêu hủy những tài sản không có giá trị gồm: 01 mũ cối, 01 đoạn dây thừng dài 2,55m đường kính 0,8cm, 01 kim bấm, sim điện thoại số 0334611400 (thu của Ch); sim số 0372417304 (thu của L); sim số 0366940333 (thu của K).

Số tiền 65.000.000 đồng (trong đó: K giao nộp 40.000.000đ, gia đình Ch giao nộp 20.000.000đ, gia đình L giao nộp 5.000.000đ) như đã nhận định ở trên được trả cho anh Võ Hữu Th.

Số tiền 95.000.000đ do Bị cáo Ch bán tài sản do đã trộm cắp được mà có, đây là khoản tiền do phạm tội mà có, hiện nay Bị cáo Ch đã tiêu sài cá nhân hết cần thu hồi của Bị cáo để sung quỹ Nhà nước là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

[9] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Ch, L phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội, tội danh:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS năm 2015 đối với Đào Văn Ch.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS năm 2015 đối với Nguyễn Văn L.

Tuyên bố Bị cáo Đào Văn Ch, Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài*

sản”.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của BLHS năm 2015 đối với Bùi Trung K.

Tuyên bố Bị cáo Bùi Trung K phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Xử phạt Bị cáo Đào Văn Ch 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 09 tháng 10 năm 2019).

- Xử phạt Bị cáo Nguyễn Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 09 tháng 10 năm 2019).

- Xử phạt Bị cáo Bùi Trung K 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Trung K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo. Trường hợp Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo Ch, L, K.

- Áp dụng khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 10/LCĐKNCT-TA ngày 17/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đối với Bùi Trung K.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các Bị cáo L, Ch, K với anh Võ Hữu Th như sau:

- Bị cáo Bùi Trung K bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 40.000.000đ. Xác nhận, K đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T số tiền 40.000.000đ theo Biên bản tạm giữ đồ vật tài sản ngày 21/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

- Bị cáo Ch, Bị cáo L liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Th số tiền 130.000.000đ. Trong đó, chia theo kỹ phần Ch phải bồi thường cho anh Th số

tiền là 110.000.000đ; L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Th số tiền 20.000.000đ.

Xác nhận, Ch (do đại diện gia đình là chị NLQ1 vợ Ch) đã nộp bồi thường cho anh Th số tiền 20.000.000đ; L (do đại diện gia đình là chị NLQ2 vợ L) đã nộp bồi thường cho anh Th số tiền 5.000.000đ theo các Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản ngày 21/02/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Bị cáo Ch còn phải bồi thường tiếp cho anh Th số tiền 90.000.000đ. Bị cáo L còn phải bồi thường tiếp cho anh Th số tiền 15.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bị cáo Ch, Bị cáo L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a, b khoản 1, Khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; Khoản 1, điểm a, c Khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho anh Võ Hữu Th các tài sản gồm: 08 thân cây hoa lan loại phi điệp 05 cánh trắng Phú Thọ tổng chiều dài 159cm; 04 giò hoa lan thu tại nhà Đào Văn Ch có giá trị là 19.780.000 đồng; 07 giò hoa lan thu tại nhà Bùi Trung K. Xác nhận ngày 04/7/2019 và ngày 10/10/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm trả lại các tài sản trên cho anh Th theo các Biên bản tạm giao đồ vật, tài sản.

- Xác nhận, anh Bùi Văn Tr đã nhận lại 06 giò hoa phong lan loại phi điệp 05 cánh trắng Phú Thọ tổng chiều dài 71cm theo Biên bản trao trả đồ vật, tài liệu ngày 12/11/2019 của cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

- Xác nhận, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả cho đại diện gia đình Đào Văn Ch (chị NLQ1 là vợ Ch): 01 loa nhựa, 01 đầu thu dữ liệu camera, 02 mắt camera, 01 kìm cắt tỉa cây cảnh, 123 giò hoa lan các loại theo Biên bản trả lại đồ vật, tài sản ngày 21/02/2020.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho đại diện gia đình Nguyễn Văn L (chị NLQ2 vợ L): 01 CMTND mang tên Nguyễn Văn L, 25 giò hoa lan các loại theo Biên bản trả lại đồ vật tài sản ngày 21/02/2020.

- Xác nhận, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho đại diện gia đình Bùi Trung K (ông NLQ4 bố L): 124 giò hoa lan các loại, 03 sổ tiết kiệm mang tên Bùi Trung K theo Biên bản trả lại đồ vật tài sản ngày 21/02/2020.

- Trả lại cho anh Võ Hữu Th số tiền 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) do các Bị cáo L giao nộp 40.000.000đ, Ch giao nộp 20.000.000đ, L giao nộp 5.000.000đ.

- Tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô BKS 19H7-5773, 01 ĐTDD Mastel A116 (thu của Ch); 01 ĐTDD Nokia 1280 (thu của L), 01 ĐTDD Nokia 1280 (thu của K).

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 mũ cối, 01 đoạn dây thừng dài 2,55m đường kính 0,8cm, 01 kim bấm, sim điện thoại số 0334611400 (thu của Ch); sim số 0372417304 (thu của L); sim số 0366940333 (thu của K).

Vật chứng (gồm tịch thu bán sung quỹ Nhà nước, tịch thu tiêu hủy và số tiền 65.000.000đ do các Bị cáo giao nộp) đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 13/5/2020.

- Thu hồi của Bị cáo Ch số tiền 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

5. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, f, g khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Đào Văn Ch phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng cộng, Bị cáo Ch phải nộp 4.700.000đ (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Buộc Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng cộng, Bị cáo L phải nộp 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Buộc Bị cáo Bùi Trung K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các Bị cáo, Bị hại, Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại,

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

7. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- Trại tạm giam;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

